TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Lâm.

2. Bà Hồ Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1989. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Bắc Lợi, xã AH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Đậu Thị N, sinh năm 1990. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm Tân Hải, xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn ngày 15/5/2018; bản tự khai ngày 23/5/2018; biên bản hòa giải ngày 24/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 30/8/2013. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Kể từ tháng 5/2016 đến nay anh T và chị N sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh Mai Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đậu Thị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay con Quỳnh N1 đang ở với anh T, do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 23/5/2018; biên bản hòa giải ngày 24/5/2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Đậu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị N và anh Mai Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn đúng N1 anh T trình bày. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Kể từ tháng 5/2016 đến nay chị N và anh T sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị N đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay con Quỳnh N1 do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Mai Thị Quỳnh N1, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND xã AH, huyện QL, tỉnh Nghệ An ngày 19/6/2018 cho biết anh T và chị N có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2013, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Sau đó vợ chồng anh T, chị N sống ly thân. Anh T và chị N có 01 con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay con Quỳnh N1 do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng

pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N.

Về con chung: Giao con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014 cho chị Đậu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị N không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Mai Văn T, chị Đậu Thị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tình cảm: Anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2013 tại UBND xã AH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tuân thủ các điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại UBND xã AH về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là xuất phát từ cả hai vợ chồng, tính tình hai người không hợp nhau. Vợ chồng anh T, chị N đã sống ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian hai người sống ly thân đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N.

[2]. Về con chung: Anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N có 01 con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014. Hiện con Quỳnh N1 đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét chị Đậu Thị N có nguyện vọng tha thiết được nuôi con chung, có công việc làm, thu nhập, nơi cư trú ổn định, anh T đã có mối quan hệ tình cảm với người khác được anh T thừa nhận. Hơn nữa cháu Quỳnh N1 là con gái và đang còn nhỏ nên giao cháu cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với cháu trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy giao cháu Quỳnh N1 cho chị Đậu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị N không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản: Anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn T và chị Đậu Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Mai Thị Quỳnh N1, sinh ngày 09/6/2014 cho chị Đậu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị N không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh Mai Văn T, chị Đậu Thị N không ai yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001664, ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện QL.
- THADS huyện QL;
- UBND xã AH;
- Lưu HS, VP.